

Số: 1120/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo POHE Thẩm định giá, ngành Marketing trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/11/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ – TTg ngày 17/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015 – 2017 và Nghị quyết 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản thông qua Chương trình đào tạo POHE Thẩm định giá, ngành Marketing trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ngày 29/4/2021 và Biên bản thông qua Chương trình đào tạo POHE Thẩm định giá, ngành Marketing trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Hội đồng thẩm định ngày 3/6/2021;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến Chất lượng cao và POHE và Trưởng khoa Marketing về việc ban hành Chương trình đào tạo POHE Thẩm định giá, ngành Marketing trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo POHE Thẩm định giá, ngành Marketing trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021).

(có Chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Viện Đào tạo Tiên tiến Chất lượng cao và POHE, Khoa Marketing và các Khoa/Viện, đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của Trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021).

Điều 4. Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến Chất lượng cao và POHE, Trưởng khoa Marketing, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như điều 4;
- Công TTĐT (để thông báo);
- Lưu P.TH, V.ĐTTT,CLC,POHE.



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Chương trình POHE)

Ngành: MARKETING

Major: Marketing

Chuyên sâu: THẨM ĐỊNH GIÁ

Mã ngành (Code of Major): 7340115

Speciality: Valuation

Hệ: CHÍNH QUY

Type of Education: Full-time

HÀ NỘI - 2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO/ OBJECTIVE	2
1.1. Mục tiêu chung/ General Objective	2
1.2. Mục tiêu cụ thể/ Specific Objective	2
1.3 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp/Job opportunity after graduate	3
2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)	4
2.1. Kiến thức/ Knowledge	4
2.2. Kỹ năng/ Skills	4
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm / Self-control and self-responsibility	4
2.4. Tin học/ Computer skills	5
2.5. Ngoại ngữ/ Foreign language skills	5
3. NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES	5
4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	6
5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT	6
6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	7
8. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY	8
8.1. Cấu trúc kiến thức	8
8.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	8
8.2.1. Thiết kế các học phần theo module	8
8.2.2. Thiết kế các học phần theo chương trình đào tạo	15
8.3. Xây dựng các học phần theo ACBSP	19
9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN / INSTRUCTION	21

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQD ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN POHE THẨM ĐỊNH GIÁ
(PROGRAMME): (BACHELOR OF VALUATION)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
(LEVEL OF EDUCATION):

NGÀNH ĐÀO TẠO MARKETING
(MAJOR): MARKETING

CHUYÊN SÂU THẨM ĐỊNH GIÁ
(SPECIALITY): VALUATION

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO 7340115
(CODE):

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY (FULL - TIME)
(TYPE OF EDUCATION):

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO/ OBJECTIVE

1.1. Mục tiêu chung/ General Objective

Đào tạo cử nhân đại học Thẩm định giá có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính và marketing; có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về định giá và Thẩm định giá; tự duy độc lập; có năng lực tự học tập nâng cao kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể/ Specific Objective

• *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về kiến thức, Cử nhân Thẩm định giá được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh, luật và marketing; kiến thức chuyên sâu về Thẩm định giá các loại tài sản như bất động sản, sản phẩm xây dựng, doanh nghiệp, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và tài sản sở hữu trí tuệ. Ngoài ra sinh viên có thể lựa chọn một số kiến thức chuyên sâu về quản trị tài sản, quản trị giá, marketing trong lĩnh vực dịch vụ, marketing dịch vụ Thẩm định giá.

Về kỹ năng, Cử nhân Thẩm định giá có năng lực phối hợp làm việc theo nhóm và khả năng hoạt động độc lập; với kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, thành thạo trong việc phân tích và tổng hợp vấn đề chuyên môn, sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong Thẩm định giá; đảm bảo thực hiện có hiệu quả các công việc trong chuyên môn nghề nghiệp được đào tạo.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, Cử nhân Thẩm định giá có tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

• *Trình độ ngoại ngữ và tin học*: đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

1.3 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp/Job opportunity after graduate

1. Làm việc tại các doanh nghiệp Thẩm định giá Việt Nam và quốc tế;
2. Làm việc tại các cơ quan quản lý giá của Nhà nước như Bộ Tài chính, các Sở Tài chính; các cơ quan chính quyền các cấp trong bộ phận định giá tài sản, đền bù giải phóng mặt bằng, vv..
3. Làm việc trong các định chế tài chính (ngân hàng, các công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, kiểm toán, vv..) với các công việc như: xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho việc cổ phần hoá, niêm yết giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, chuyển nhượng, sáp nhập, mua bán công ty, đầu tư tài chính, Thẩm định giá trị tài sản trong bảo hiểm, vv..;
4. Làm việc tại các công ty tư vấn chiến lược liên quan đến mua bán, cho thuê thương hiệu, nhượng quyền kinh doanh, cổ phần hóa, vv..
5. Làm tại các công ty, trung tâm đấu giá tài sản, các doanh nghiệp có hoạt động định giá tài sản phục vụ mua bán, chuyển nhượng, vv.
6. Làm việc tại bộ phận marketing của các doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực dịch vụ nói chung và Thẩm định giá nói riêng;
7. Làm việc tại các doanh nghiệp bất động sản trong công tác Thẩm định giá, kinh doanh, đầu tư phát triển và quản lý tài sản.

8. Các viện nghiên cứu và các trường đại học có nghiên cứu và đào tạo về Thẩm định giá và quản trị tài sản.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức/ Knowledge

1. Cử nhân Thẩm định giá được trang bị các kiến thức chung về kinh tế thị trường, quản trị kinh doanh hiện đại, quản lý kinh tế, tài chính và marketing, luật.
2. Các kiến chuyên sâu được trang bị bao gồm: kiến thức Thẩm định giá đối với mọi loại tài sản, trong đó tập trung chủ yếu vào việc Thẩm định giá trị bất động sản, sản phẩm xây dựng, doanh nghiệp, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và tài sản sở hữu trí tuệ.
3. Kiến thức chuyên sâu về marketing trong lĩnh vực dịch vụ nói chung và dịch vụ Thẩm định giá nói riêng.
4. Các kiến thức về quản trị tài sản bất động sản và động sản như đầu tư phát triển, quản lý, kinh doanh, cung cấp dịch vụ, vv..
5. Các kiến thức cơ bản, hệ thống và hiện đại hình thành giá, về các tiêu chuẩn và quy định pháp luật liên quan đến Thẩm định giá.

2.2. Kỹ năng/ Skills

Các kỹ năng chuyên môn:

- Kỹ năng sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu thống kê, phần mềm dự toán.
- Kỹ năng trình bày và diễn giải vấn đề chuyên môn khoa học.
- Kỹ năng phân tích định lượng và định tính để phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh doanh, nghiên cứu marketing. Kỹ năng vận dụng kiến thức kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh để phân tích, đánh giá, chuẩn đoán và Thẩm định giá trị các loại tài sản khác nhau.
- Kỹ năng thực hành nghề Thẩm định giá các loại tài sản khác nhau. Kỹ năng ứng dụng kiến thức Thẩm định giá để phát hiện, giải quyết vấn đề cụ thể về giá trị tài sản, hàng hóa dịch vụ trên thị trường.

Các kỹ năng chung:

- Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản.
- Kỹ năng sử dụng máy tính với các phần mềm văn phòng thông dụng; kỹ năng khai thác internet phục vụ cho công việc.
- Kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm / Self-control and self-responsibility

- Tuân thủ các quy định của đơn vị, tổ chức.
- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.
- Có năng lực tự quản lý bản thân và công việc.
- Có ý thức trau dồi, rèn luyện và vươn lên trên con đường sự nghiệp.

2.4. Tin học/ Computer skills

Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) được ban hành và công bố theo Quyết định số 2249 /QĐ-ĐHKTQD ngày 27/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

2.5. Ngoại ngữ/ Foreign language skills

Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 6.0 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 1277/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

3. NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Với trọng tâm là thực tiễn hoạt động nghề nghiệp (đào tạo định hướng nghề nghiệp), quá trình đào tạo bậc cử nhân Thẩm định giá hợp nhất các kiến thức, kỹ năng và thái độ. Giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể hoạt động ngay trong lĩnh vực Thẩm định giá với những năng lực cụ thể sau:

PLO1. Functional knowledge (Kiến thức nền tảng)

Sinh viên có hiểu biết về các chức năng cơ bản của một tổ chức (sản xuất, tài chính, nhân sự, luật, marketing...) và nguyên lý hoạt động của cơ quan/doanh nghiệp/tổ chức; Sinh viên hiểu và vận dụng các nguyên tắc cơ bản của marketing và marketing dịch vụ vào lĩnh vực Thẩm định giá. Sinh viên tổng hợp được kiến thức nền tảng để phân tích, dự báo, đánh giá hoạt động kinh doanh phục vụ cho Thẩm định giá các loại tài sản như doanh nghiệp, bất động sản, sản phẩm xây dựng, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và thương hiệu.

PLO2: The domestic & Global Environment (Môi trường trong nước và môi trường toàn cầu)

Hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế; hiểu được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động Thẩm định giá và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó vận dụng vào hoạt động Thẩm định giá.

Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và ứng dụng chúng trong học tập, nghiên cứu vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh ngày nay; có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hiểu biết về pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong công việc.

PLO3: Technical Skills (Kỹ năng phân tích)

Sinh viên hiểu và vận dụng được các nguyên tắc và quy trình Thẩm định giá các loại tài sản như doanh nghiệp, bất động sản, sản phẩm xây dựng, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và thương hiệu.

Hiểu và vận dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin cần thiết để thực hiện công việc chuyên môn, phân tích và xử lý số liệu, tìm kiếm thông tin trên internet, tổng hợp báo cáo và phân tích thực trạng môi trường và kết quả nghiên cứu.

PLO4. Intergrative Areas (Tích hợp)

Sinh viên có khả năng tích hợp kiến thức về kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh, luật, marketing, Thẩm định giá và đặc biệt là những kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu thuộc Thẩm định giá để phân tích hiện tượng, phát hiện, xác định nguyên nhân của vấn đề trong Thẩm định giá trị tài sản.

PLO5. Communication Skills (Kỹ năng giao tiếp)

Sinh viên có kỹ năng cứng và kỹ năng mềm trong giao tiếp với cá nhân và tổ chức có liên quan thông qua giao tiếp trực tiếp và gián tiếp bằng văn bản, thiết bị (internet, điện thoại...); có khả năng thuyết trình chuyên môn trong lĩnh vực Thẩm định giá bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

PLO6. Teamwork Skills (Kỹ năng làm việc nhóm)

Sinh viên có khả năng thể thiện được kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, vận dụng kỹ năng làm việc trong một thế giới năng động và đa dạng như kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ thông tin để cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của tổ chức.

PLO7. Problem Solving (Giải quyết vấn đề)

Vận dụng các kỹ thuật công nghệ cần thiết như kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, kỹ thuật phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh doanh, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh bằng kiến thức chuyên môn khoa học làm cơ sở đánh giá giá trị tài sản (như giá trị doanh nghiệp, bất động sản, sản phẩm xây dựng, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và thương hiệu...) hoặc giải quyết các vấn đề, tình huống đặt ra trong Thẩm định giá tài sản.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

138 tín chỉ

138 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và các lớp kỹ năng mềm.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học

hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định tuyển chọn vào Chương trình POHE.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

(STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

• **Thời gian đào tạo** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

• **Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình POHE. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 138 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình POHE.

7. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ; quy đổi như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0
2	Dưới 4,5	F	0,0

8. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

8.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	23	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP
1.3. Các học phần của ngành	12	Khoa tự chọn 4 HP từ tổ hợp của Trường quy định
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	12	
2.2. Kiến thức ngành	42	Khoa tự xây dựng
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	Khoa tự xây dựng
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Thực tập	15	
2.4.1 Thực tập 1	5	
2.4.2 Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	134	Không kể GDQP&AN và GDTC

8.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.2.1. Thiết kế các học phần theo module

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
Module 1: Lý luận chính trị, Ngoại ngữ			23		
1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	NNNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	NNNL1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Ngoại Ngữ <i>Foreign Language</i>	12	Tiếng Việt	Bắt buộc

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
Module 2: Toán – Thống kê			6		
1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Statistics for Economic and Business</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
Module 3: Kinh tế học			6		
1	KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
Module 4: Luật					
1	LUCS1129	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	LUKD1159	Pháp luật trong Thẩm định giá <i>Law on valuation</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	LUKD1121	Pháp luật về đất đai và bất động sản <i>Land and Real Estate Law</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
4	LUCS1114	Luật hành chính <i>Administrative law</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
Module 5: Tài chính, kế toán, phân tích kinh doanh					
1	KTKE1101E	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	NHLT1101E	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 <i>Monetary and Financial Theories 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
3	KTKE1105	Phân tích Kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
4	NHTC1104E	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
5	KTQT1102	Kế toán chi phí <i>Cost Accounting</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
6	NHCO1111	Thuế <i>Taxation</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
Module 6: Marketing					
1	POHE MKMA1104E	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	POHE MKMA1110	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
3	POHE MKBH1108E	Quản trị Quan hệ Khách hàng <i>Customer Relationship Management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
4	POHE MKMA1107E	Marketing Dịch vụ <i>Service marketing</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
5	POHE MKBH1110	Kỹ năng Bán hàng <i>Selling Skills</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
6	POHE MKBH1112E	Marketing Khách hàng Tổ chức <i>Marketing B2B</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
7	POHE MKDG1110	Quản trị tài sản Thương hiệu <i>Brand Equity Management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
Module 7: Cơ sở hình thành và quản trị giá					
1	POHE MKDG1113	Nguyên lý và tiêu chuẩn Thẩm định giá <i>Valuation Principles and Standards</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	POHE MKDG1106	Nguyên lý giá cả thị trường <i>Principles of Pricing</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	POHE MKDG1112	Đấu giá tài sản <i>Property Auctions</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	POHE MKDG1120E	Quản trị Giá <i>Price Management</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
Module 8: Thẩm định giá doanh nghiệp và động sản					
1	POHE MKDG1102	Thẩm định giá doanh nghiệp 1* <i>Corporate Valuation 1</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	POHE	Thẩm định giá doanh nghiệp 2*	3	Tiếng Anh	Bắt buộc

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
	MKDG1103E	<i>Corporate Valuation 2</i>			
3	POHE MKDG1111	Thẩm định giá tài sản vô hình <i>Valuation of Intangible Assets</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	POHE MKDG1117	Thẩm định giá Máy móc và Thiết bị* <i>Machinery and Equipment Valuation</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
5	NHCK1102E	Thị trường chứng khoán 1 <i>Stock Market 1</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
6	POHE MKDG1105E	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp <i>Merger and Acquisition</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
7	POHE MKDG1119	Thẩm định giá Thương hiệu <i>Brand Valuation</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
Module 9: Thẩm định giá bất động sản					
1	POHE MKDG1109	Thẩm định giá sản phẩm xây dựng* <i>Construction cost estimation</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	TNBD1101	Định giá bất động sản 1* <i>Real Estate Valuation 1</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	TNBD1112	Định giá bất động sản 2* <i>Real Estate Valuation 2</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	MTKT1116	Lượng giá tài nguyên và môi trường <i>Valuation of Natural Resources and Environment</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
Module 10: Quản trị tài sản					
1	TNBD1116	Quản lý bất động sản <i>Real Estate Management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
2	TNBD1109	Thị trường bất động sản <i>Real Estate Market</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
3	NHCO1119	Quản lý tài sản công <i>Public assets management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
4	POHE- MTDT1124	Quản lý dự án đô thị <i>Urban project management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
5	TNBD1123	Phát triển dự án bất động sản <i>Real Estate Project Development</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
6	TNBD1113	Kinh doanh bất động sản 1 <i>Real Estate Business 1</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
7	DTKT1113	Quản trị rủi ro đầu tư <i>Investment Risk Management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
Module 11: Thực hành, thực tập					
1	POHE MKDG1121	Thực hành nghề Thẩm định giá** <i>Valuation practice</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	POHE MKDG1133	Thực tập 1 <i>Internship 1</i>	5	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
3	POHE MKDG1135	Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp <i>Internship 2: Graduation Thesis</i>	10	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
40		Tổng số TC toàn khóa	134		

Ghi chú: - (*): Những môn có thực hành (1TC thực hành). (**): Những môn có thực hành (2TC thực hành)

Danh sách các học phần dạy bằng tiếng Anh

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
Tổng số tín chỉ (chưa bao gồm 16TC của học phần tiếng Anh)			48		
1	KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
3	KTKE1101E	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
4	NHLT1101E	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 <i>Monetary and Financial Theories 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
5	NHTC1104E	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
6	POHE MKMA1104E	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
7	POHE MKMA1107E	Marketing Dịch vụ <i>Service marketing</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
8	POHE MKDG1103E	Thẩm định giá doanh nghiệp 2* <i>Corporate Valuation 2</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
9	POHE MKDG1120E	Quản trị Giá <i>Price Management</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
10	NHCK1102E	Thị trường chứng khoán 1 <i>Stock Market 1</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
11	POHE MKDG1105E	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp <i>Merger and Acquisition</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
12	POHE MKDG1133	Thực tập 1 <i>Internship 1</i>	5	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
13	POHE MKDG1135	Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp <i>Internship 2: Graduation Thesis</i>	10	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc

Danh sách các học phần có dạy thực hành, thực tập

1	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
Tổng số tín chỉ thực hành, thực tập tại công giới			23		
1	POHE MKDG1102	Thẩm định giá doanh nghiệp 1* <i>Corporate Valuation 1</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	POHE MKDG1103E	Thẩm định giá doanh nghiệp 2* <i>Corporate Valuation 2</i>	1	Tiếng Anh	Bắt buộc
3	POHE MKDG1117	Thẩm định giá Máy móc và Thiết bị* <i>Machinery and Equipment Valuation</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	POHE MKDG1109	Thẩm định giá sản phẩm xây dựng* <i>Construction cost estimation</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
5	TNBD1101	Định giá bất động sản 1* <i>Real Estate Valuation 1</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
6	TNBD1112	Định giá bất động sản 2* <i>Real Estate Valuation 2</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
7	POHE MKDG1121	Thực hành nghề Thẩm định giá** <i>Valuation practice</i>	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
8	POHE MKDG1133	Thực tập 1 <i>Internship 1</i>	5	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
9	POHE MKDG1135	Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp <i>Internship 2: Graduation Thesis</i>	10	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc

8.2.2. Thiết kế các học phần theo chương trình đào tạo

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				47		17	18	13	3	0	0	0	0
1.1. Các học phần chung				23		11	12	4	0	0	0	0	0
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin	3	Tiếng Việt	3							
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	Tiếng Việt		2						
3	3	NNNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Tiếng Việt		2						
4	4	NNNL1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tiếng Việt			2					
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tiếng Việt			2					
6	6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Ngoại Ngữ <i>Foreign Language</i>	12	Tiếng Việt	8	4						
		GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	x	Tiếng Việt	x	x	x	X				
		QPCT1101 QPCT1102 QPDL1103 QPDL1104 QPDL1105	Giáo dục quốc phòng / <i>Military Education</i> Công tác quốc phòng an ninh/ <i>Introduction to the National Defense</i> Quân sự chung/ <i>General Military Education</i> Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense</i> Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ <i>Stragegy and Technique of Shooting AK</i>	x	Tiếng Việt			x					
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường				12		6	6	0	0	0	0	0	0
7	1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	3							
8	2	LUCS1129	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	3							
9	3	KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh		3						
10	4	KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh		3						

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
1.3. Các học phần của ngành				12		0	0	9	3	0	0	0	0
11	1	KTKE1101E	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	Tiếng Anh			3					
12	2	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Statistics for Economic and Business</i>	3	Tiếng Việt				3				
13	3	NHLT1101E	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 <i>Monetary and Financial Theories 1</i>	3	Tiếng Anh			3					
14	4	POHE MKMA1104E	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh			3					
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				87		0	3	6	18	18	16	18	10
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				12		0	3	3	3	3	0	0	0
15	1	LUKD1159	Pháp luật trong Thẩm định giá <i>Law on valuation</i>	3	Tiếng Việt					3			
16	2	POHE MKDG1106	Nguyên lý giá cả thị trường <i>Principles of Pricing</i>	3	Tiếng Việt		3						
17	3	POHE MKDG1113	Nguyên lý và tiêu chuẩn Thẩm định giá <i>Valuation Principles and Standards</i>	3	Tiếng Việt				3				
18	4	POHE MKDG1120E	Quản trị Giá <i>Price Management</i>	3	Tiếng Anh			3					
2.2. Kiến thức ngành				47		0	0	0	6	15	17	9	
2.2.1. Các học phần bắt buộc				32		0	0	0	3	15	14	0	0
19	1	POHE MKDG1112	Đấu giá tài sản <i>Property Auctions</i>	3	Tiếng Việt						3		
20	2	POHE MKDG1109	Thẩm định giá sản phẩm xây dựng* <i>Construction cost estimation</i>	3	Tiếng Việt				3				
21	3	POHE MKDG1111	Thẩm định giá tài sản vô hình <i>Valuation of Intangible Assets</i>	3	Tiếng Việt					3			
22	4	POHE MKDG1117	Thẩm định giá Máy móc và Thiết bị*	3	Tiếng Việt					3			

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			<i>Machinery and Equipment Valuation</i>											
23	5	POHE MKDG1102	Thẩm định giá doanh nghiệp 1* <i>Corporate Valuation 1</i>	3	Tiếng Việt					3				
24	6	POHE MKDG1121	Thực hành nghề Thẩm định giá** <i>Valuation practice</i>	3	Tiếng Việt					3				
25	7	TNBD1101	Định giá bất động sản 1* <i>Real Estate Valuation 1</i>	3	Tiếng Việt					3				
26	8	POHE MKDG1103E	Thẩm định giá doanh nghiệp 2* <i>Corporate Valuation 2</i>	3	Tiếng Anh						3			
27	9	TNBD1112	Định giá bất động sản 2* <i>Real Estate Valuation 2</i>	3	Tiếng Việt						3			
28	10	POHE MKDG1133	Thực tập I <i>Internship 1</i>	5	Tiếng Việt và Tiếng Anh						5			
2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)				15				3			3	9		
29-33	1	TNBD1116	Quản lý bất động sản <i>Real Estate Management</i>	3	Tiếng Việt						3			
	2	TNBD1109	Thị trường bất động sản <i>Real Estate Market</i>	3	Tiếng Việt				3					
	3	POHE MKMA1110	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing research</i>	3	Tiếng Việt						3			
	4	POHE MKBH1108E	Quản trị Quan hệ Khách hàng <i>Customer Relationship Management</i>	3	Tiếng Việt				3					
	5	POHE MKMA1107E	Marketing Dịch vụ <i>Service marketing</i>	3	Tiếng Anh								3	
	6	POHE MKBH1110	Kỹ năng Bán hàng <i>Selling Skills</i>	3	Tiếng Việt									3
	7	NHCO1119	Quản lý tài sản công <i>Public assets management</i>	3	Tiếng Việt									3

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
	8	NHCO1111	Thuế <i>Taxation</i>	3	Tiếng Việt								3	
	9	TNBD1123	Phát triển dự án bất động sản <i>Real Estate Project Development</i>	3	Tiếng Việt									3
	10	TNBD1113	Kinh doanh bất động sản 1 <i>Real Estate Business 1</i>	3	Tiếng Việt					3				
	11	KTQT1102	Kế toán chi phí <i>Cost Accounting</i>	3	Tiếng Việt							3		
2.3. Kiến thức chuyên sâu SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)				18					3	3	6	6		
34- 39	1	MTKT1116	Lượng giá tài nguyên và môi trường <i>Valuation of Natural Resources and Environment</i>	3	Tiếng Việt							3		
	2	NHTC1104E	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	Tiếng Anh				3					
	3	POHE MKDG1110	Quản trị tài sản Thương hiệu <i>Brand Equity Management</i>	3	Tiếng Việt					3				
	4	KTKE1105	Phân tích Kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	Tiếng Việt				3					
	5	POHE MKBH1112E	Marketing Khách hàng Tổ chức <i>Marketing B2B</i>	3	Tiếng Việt						3			
	6	NHCK1102E	Thị trường chứng khoán 1 <i>Stock Market 1</i>	3	Tiếng Anh				3					
	7	POHE MKDG1119	Thẩm định giá Thương hiệu <i>Brand Valuation</i>	3	Tiếng Việt							3		
	8	POHE MKDG1105E	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp <i>Merger and Acquisition</i>	3	Tiếng Anh									3
	9	LUKD1121	Pháp luật về đất đai và bất động sản <i>Land and Real Estate Law</i>	3	Tiếng Việt								3	

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
	10	POHE-MTDT1124	Quản lý dự án đô thị <i>Urban project management</i>	3	Tiếng Việt								3	
	11	LUCS1114	Luật hành chính <i>Administrative law</i>	3	Tiếng Việt				3					
	12	DTKT1113	Quản trị rủi ro đầu tư <i>Investment Risk Management</i>	3	Tiếng Việt								3	
40	2.4.	POHE MKDG1135	Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp <i>Internship 2: Graduation Thesis</i>	10	Tiếng Việt và Tiếng Anh									10
			Tổng số TC toàn khóa	134										

Ghi chú: - (*): Những môn có thực hành (1TC thực hành). (**): Những môn có thực hành (2TC thực hành)

Sinh viên Thẩm định giá được khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa, tích lũy điểm rèn luyện về năng khiếu và sở thích; ví dụ: khiêu vũ, ca nhạc, thể thao năng khiếu, v.v...

8.3. Xây dựng các học phần theo ACBSP

Bảng mã hóa chuẩn đầu ra (PLO)

PLO1	<p>Functional knowledge (Kiến thức nền tảng): Sinh viên có hiểu biết về các chức năng cơ bản của một tổ chức (sản xuất, tài chính, nhân sự, luật, marketing...) và nguyên lý hoạt động của cơ quan/doanh nghiệp/tổ chức; Sinh viên hiểu và vận dụng các nguyên tắc cơ bản của marketing và marketing dịch vụ vào lĩnh vực Thẩm định giá. Sinh viên tổng hợp được kiến thức nền tảng để phân tích, dự báo, đánh giá hoạt động kinh doanh phục vụ cho Thẩm định giá các loại tài sản như doanh nghiệp, bất động sản, sản phẩm xây dựng, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và thương hiệu.</p>
PLO2	<p>The domestic & Global Environment (Môi trường trong nước và môi trường toàn cầu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế; hiểu được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động Thẩm định giá và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó vận dụng vào hoạt động Thẩm định giá. - Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và ứng dụng chúng trong học tập, nghiên cứu vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh ngày nay;

	<p>có nhận thức, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lãnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>- Hiểu biết về pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong công việc.</p>
PLO3	<p>Technical Skills (Kỹ năng phân tích): Sinh viên hiểu và vận dụng được các nguyên tắc và quy trình Thẩm định giá các loại tài sản như doanh nghiệp, bất động sản, sản phẩm xây dựng, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và thương hiệu. Hiểu và vận dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin cần thiết để thực hiện công việc chuyên môn, phân tích và xử lý số liệu, tìm kiếm thông tin trên internet, tổng hợp báo cáo và phân tích thực trạng môi trường và kết quả nghiên cứu.</p>
PLO4	<p>Intergrative Areas (Tích hợp): Sinh viên có khả năng tích hợp kiến thức về kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh, luật, marketing, Thẩm định giá và đặc biệt là những kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu thuộc Thẩm định giá để phân tích hiện tượng, phát hiện, xác định nguyên nhân của vấn đề trong Thẩm định giá trị tài sản.</p>
PLO5	<p>Communication Skills: Sinh viên có kỹ năng cứng và kỹ năng mềm trong giao tiếp với cá nhân và tổ chức có liên quan thông qua giao tiếp trực tiếp và gián tiếp bằng văn bản, thiết bị (internet, điện thoại...); có khả năng thuyết trình chuyên môn trong lĩnh vực Thẩm định giá bằng tiếng Việt và tiếng Anh.</p>
PLO6	<p>Teamwork Skills: Sinh viên có khả năng thể thiện được kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, vận dụng kỹ năng làm việc trong một thế giới năng động và đa dạng như kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, hợp tác, hỗ trợ và chia sẻ thông tin để cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của tổ chức.</p>
PLO7	<p>Problem Solving (Giải quyết vấn đề): Vận dụng các kỹ thuật công nghệ cần thiết như kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, kỹ thuật phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh doanh, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh bằng kiến thức chuyên môn khoa học làm cơ sở đánh giá giá trị tài sản (như giá trị doanh nghiệp, bất động sản, sản phẩm xây dựng, máy móc thiết bị, tài sản vô hình và thương hiệu...) hoặc giải quyết các vấn đề, tình huống đặt ra trong Thẩm định giá tài sản.</p>

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN / INSTRUCTION

– CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè học chuyên gia) theo học chế tín chỉ.

– Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

– Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Vũ Huy Thông

Ngày 22 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. Phạm Hồng Chương